TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **805**/2025/DS-PT
Ngày: 27 - 11 - 2025
V/v tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Hải.

Các Thẩm phán:Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:*** Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 và 27 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 584/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 146/2025/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực X, tỉnh Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1168/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Ấp MTA, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quang N, sinh năm 1956 (có mặt).

Nơi cư trú: Số C, tổ Y, khu I, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Nay là xã C, tỉnh Đồng Tháp).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979.

2.2. Ông Đặng Văn K, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Nay là xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp).

Đại diện ủy quyền: Anh Hồ Tấn X, sinh năm 1994 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp W, xã Q, huyện F, Hậu Giang.

(Nay là xã F, thành phố Cần Thơ).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn D, sinh năm 1956 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp)

4. Người làm chứng: Chị Trần Thị Thảo Q, sinh năm 2003 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp)

5. Người kháng cáo: Bị đơn Đặng Văn K, Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:

Ngày 30/5/2024 bà G có cho vợ chồng ông K, bà T vay 500.000.000 đồng để cất nhà, ông K và bà T có ký tên trong giấy mượn tiền và hứa đến ngày 30/6/2024 sẽ trả tiền, nhưng đến thời hạn thì ông K, bà T không trả, bà G nhiều lần đòi nhưng ông K, bà T hứa hẹn cố tình kéo dài. Do đó, bà G yêu cầu ông K, bà T phải trả 500.000.000 đồng tiền gốc đã vay và lãi suất chậm trả tính từ ngày 30/6/2024: 500.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 01 tháng = 8.300.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu trả tiền vay 500.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 30/6/2024 đến 30/5/2025: 500.000.000 đồng x 0,83 %/tháng x 11 tháng = 45.650.000 đồng

Bị đơn ông Đặng Văn K, bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ông K, bà T có vay tiền của ông H (chồng bà G) 120.000.000 đồng vào tháng 2/2023, thỏa thuận mỗi tháng trả 36.000.000 đồng tiền lãi, từ tháng 12/2023 là lần đóng lãi cuối cùng, khi đóng tiền lãi đưa ông K, bà T tiền mặt hoặc nhờ người chuyển khoản dùm nên hai bên không có làm biên nhận. Đến 30/5/2024 ông K, bà T mới ký giấy nhận nợ 500.000.000 đồng tại nhà trọ của ông H. Nội dung biên nhận do chị Q (cháu nội ông H) viết, ông K, bà T có ký tên nhưng thật sự ông K, bà T không có nhận số tiền 500.000.000 đồng và cũng không biết bà G là ai, do ông H đề nghị ông K, bà T ký tên nhận nợ sẽ tạo điều kiện cho trả nợ chứ hai bên chưa chốt số tiền ông K, bà T phải trả là bao nhiêu. Khi ông K, bà T ký tên trong biên nhận nợ chỉ biết nội dung ghi vay 500.000.000 triệu đồng, không có ghi mượn tiền để cất nhà, nội dung mượn tiền để cất nhà được ghi thêm sau này. Do đó, ông K, bà T đồng ý trả 200.000.000 đồng cho bà G, 02 tháng trả một lần, mỗi lần trả 70.000.000 đồng cho đến khi trả xong 200.000.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 146/2025/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Khu vực X, tỉnh Đồng Tháp) đã quyết định:

Căn cứ các điều 147, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 463, 466, 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G.

Buộc ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và 45.650.000đ (Bốn mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 17 tháng 6 năm 2025, bị đơn ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Đặng Văn K, Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn.

Đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị G đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Đây là quan hệ tranh chấp về "*Hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực X, Tỉnh Đồng Tháp) thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn Đặng Văn K và Nguyễn Thị T là đúng theo quy định tại điều 270 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy bà G là nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phía bị đơn trả số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình phía nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ là biên nhận mượn tiền ngày 30/5/2024 có nội dung *« vợ chồng tôi có mượn bà Nguyễn Thị G với số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng chẵn) mượn tiền để cất nhà mượn đỡ một tháng tôi sẽ vay tiền trả lại cho bà G. Đến ngày 30/6/2024 hứa sẽ trả lại đầy đủ »* (bút lục số 21). Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng xác định khi ông K, bà T ký tên trong biên nhận nợ ngày 30/5/2024 thì biên nhận chỉ ghi nội dung ông K, bà T vay 500.000.000 đồng, không ghi "mượn tiền để cất nhà", nội dung "mượn tiền để cất nhà" được ai ghi thêm sau này không rõ do biên nhận chính bà G giữ. Như vậy, có căn cứ để xác định khi ký tên vào biên nhận nợ thì ông K, bà T biết rõ trong biên nhận ghi số tiền vay là 500.000.000 đồng và việc ký tên hoàn toàn không bị lừa dối. Đối với nội dung "mượn tiền để cất nhà" bị đơn cho rằng được ai ghi thêm nhưng quá trình giải quyết vụ án không ai yêu cầu giám định, biên nhận cũng không có dấu hiệu bị chỉnh sửa nên lời trình bày này không có căn cứ xác định. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G buộc ông K, bà T trả cho bà số tiền vay 500.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Bà G yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày 30/6/2024 đến ngày 30/5/2025 trên số tiền 500.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 11 tháng = 45.650.000 đồng. Xét thấy, giấy mượn tiền không thể hiện lãi suất nhưng có nội dung ông K, bà G hẹn đến ngày 30/5/2024 sẽ trả đủ tiền nhưng đến nay không trả nên bà G yêu cầu tính lãi suất trả từ 30/6/2024 đến ngày 30/5/2025 là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Vì vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà G là có căn cứ.

[4] Từ các nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được xem xét chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 146/2025/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Khu vực X, tỉnh Đồng Tháp).

Căn cứ các điều 147, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 463, 466, 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G.

Buộc ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và 45.650.000đ (Bốn mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị T chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi tính theo mức lãi suất do pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị T phải chịu 27.282.500đ *(Hai mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại cho bà Nguyễn Thị G số tiền 12.166.000đ *(Mười hai triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015907 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực X, Đồng Tháp).

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001892 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ ngày 27/11/2025; Vắng mặt các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Ngọc Hải

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực X, Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực X, Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.